

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 10 tháng 04, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá

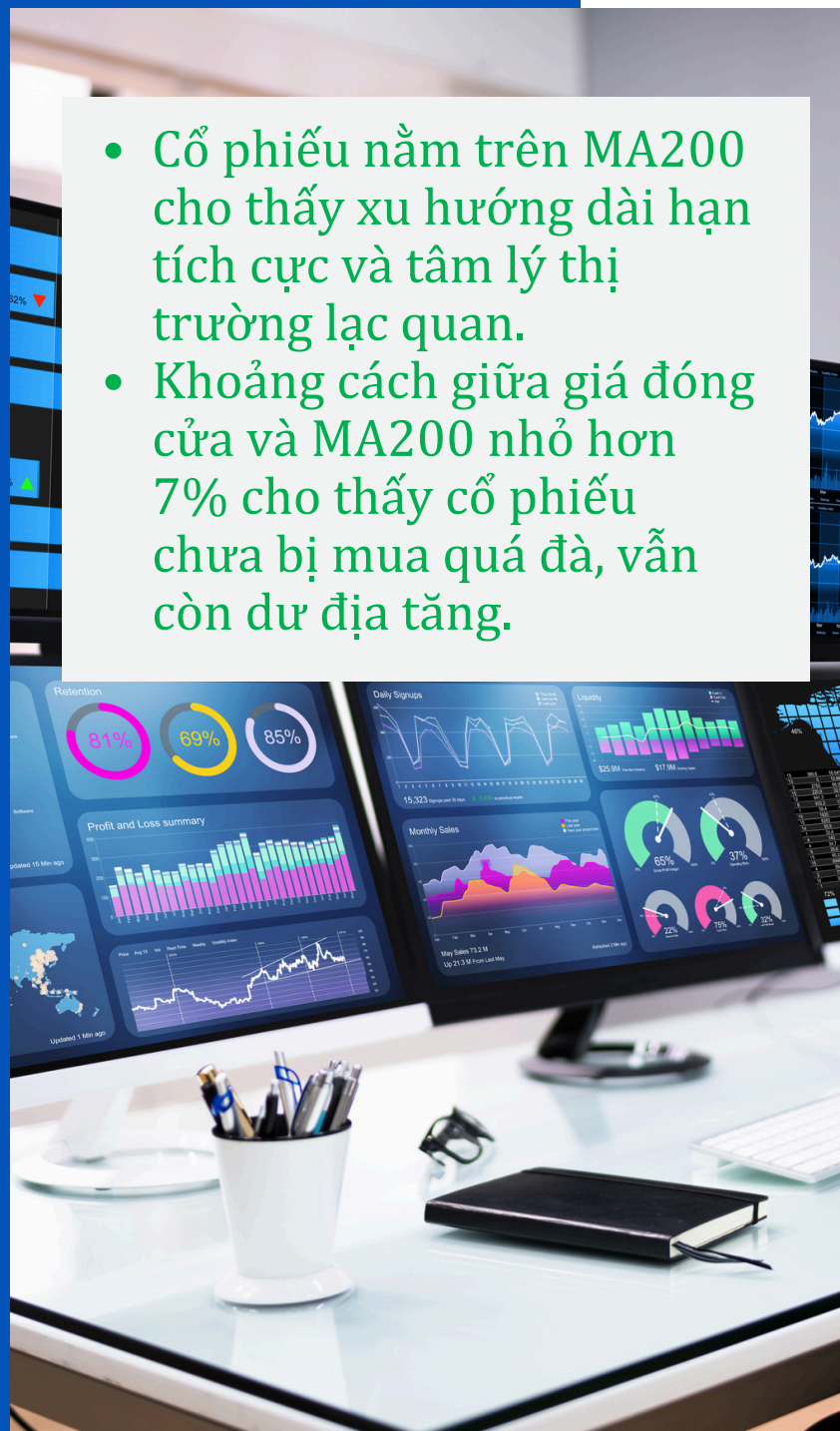


STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	CDC	09/04/2026	23.4	1.369.600	206.900	6.62
2	QCG	09/04/2026	14.4	1.686.800	396.843	4.25
3	NVL	09/04/2026	16.7	81.700.704	20.130.766	04.06
4	HHV	09/04/2026	12.9	26.653.800	6.828.420	3.9
5	DCL	09/04/2026	45	1.584.000	531.170	2.98
6	IJC	09/04/2026	10.7	7.911.400	2.748.003	2.88
7	KSB	09/04/2026	16.45	4.186.200	1.521.907	2.75
8	HUT	09/04/2026	17.3	7.138.400	3.065.950	2.33
9	LCG	09/04/2026	10.35	5.866.900	2.531.083	2.32
10	AGG	09/04/2026	13	1.152.500	530.663	2.17
11	VCG	09/04/2026	22.95	28.051.500	13.701.717	02.05
12	FCN	09/04/2026	13.9	2.256.700	1.101.810	02.05
13	HDC	09/04/2026	19.2	6.718.900	3.356.430	2
14	DXG	09/04/2026	15.2	39.864.800	20.181.460	1.98
15	GEX	09/04/2026	40.5	15.775.400	8.050.790	1.96
16	CII	09/04/2026	18.9	28.967.000	16.887.474	1.72
17	PDR	09/04/2026	16.7	19.572.500	11.655.533	1.68
18	HHS	09/04/2026	14.1	5.225.800	3.190.880	1.64
19	DXP	09/04/2026	14.5	1.181.500	758.140	1.56
20	TCB	09/04/2026	30.9	20.809.500	13.564.907	1.53
21	CEO	09/04/2026	17.3	18.689.600	12.247.700	1.53
22	VIX	09/04/2026	18	55.459.800	37.937.544	1.46
23	NKG	09/04/2026	14.04	7.533.600	5.163.377	1.46
24	KDH	09/04/2026	26.2	6.210.500	4.627.794	1.34
25	ANV	09/04/2026	25	1.688.200	1.281.960	1.32
26	DIG	09/04/2026	14.55	16.838.800	12.896.887	1.31
27	PAN	09/04/2026	32.3	1.580.400	1.237.143	1.28
28	EIB	09/04/2026	22.6	13.137.000	10.260.263	1.28



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	CTD	09/04/2026	82.9	881.610	52	79.23	4.63
2	CTG	09/04/2026	35	7.933.820	50.98	34.69	0.9
3	DGW	09/04/2026	46.2	1.569.530	54.36	43.72	5.67
4	DPR	09/04/2026	41.2	530.210	53.24	39	5.64
5	DRI	09/04/2026	12.9	524.350	50.81	12.52	3
6	GAS	09/04/2026	78.4	1.635.620	37.94	74.74	4.89
7	GVR	09/04/2026	32.8	3.183.750	48.26	30.73	6.75
8	HAG	09/04/2026	16.2	4.589.190	55	16.14	0.37
9	HCM	09/04/2026	25.2	16.096.250	66.72	24.6	4.72
10	HDB	09/04/2026	26.5	14.942.710	53.03	24.39	6.81
11	HNG	09/04/2026	6.4	1.924.730	59.84	6.16	3.87
12	HNM	09/04/2026	8.3	533.850	59.7	8.18	1.44
13	HPG	09/04/2026	28.25	35.675.240	61.42	26.92	4.93
14	HUT	09/04/2026	17.3	3.548.400	58.75	16.55	4.53
15	KBC	09/04/2026	33.9	3.535.720	61.18	33.76	0.41
16	MBB	09/04/2026	26.5	17.371.420	51.86	25.05	5.8
17	MWG	09/04/2026	80.7	6.257.990	47.62	79.45	1.57
18	MZG	09/04/2026	13	652.990	55.84	12.25	6.15
19	ORS	09/04/2026	13.65	3.098.200	53.34	13.3	2.6
20	PAN	09/04/2026	32.3	949.350	58.59	30.52	5.84
21	POW	09/04/2026	13	10.159.590	47.28	12.66	2.71
22	PVS	09/04/2026	37.5	5.541.320	37.76	35.11	6.81
23	QTP	09/04/2026	12.9	1.070.280	45.88	12.3	4.9
24	REE	09/04/2026	65.5	1.780.150	50.07	63.99	2.37
25	TTA	09/04/2026	11.6	995.540	50.47	11.15	04.03
26	VHC	09/04/2026	60.2	707.750	54.52	57.58	4.54
27	VJC	09/04/2026	166	1.159.570	54.39	157.63	5.31
28	VNM	09/04/2026	61.8	3.652.840	48.12	61.13	01.09





Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ASP	06.06	5.97	229.010
2	DXS	7.72	7.7	4020970
3	DXP	14.5	14.2	721.830
4	SSB	17.15	17.5	1.830.950

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	HHS	14.1	13.9	4.892.610
2	LPB	48	48	1.905.760
3	NVL	16.7	15.75	25318890

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ECO	30.1	30.2	30.600
2	GCF	16.03	16.4	141.310
3	PPH	26.9	27	30.680
4	SRF	6.6	6.65	53.910
5	SWC	24.6	24.7	19.210

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	GCF	16.3	15.8	141.310
2	HVA	4.2	4.1	98.850
3	SRF	6.6	6.5	53.910



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	KBC	33.9	33.76	3.535.720

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAH	03.03	3.24	641.390
2	AGG	13	12.85	570.180
3	DDV	27.8	27.76	1106220
4	KSB	16.45	16.24	1.355.180
5	SZC	28.75	28.72	703.650

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CRC	9.39	9.38	3.728.900
2	DLG	2.94	2.89	1.547.510
3	DPG	43.3	43.25	585180
4	EVG	7.7	6.84	800.630
5	HSG	15.45	15.23	3.069.320
6	IJC	10.7	10.36	2.598.830
7	LCG	10.35	9.97	2.071.710
8	LDG	3.7	3.66	1.261.100
9	VRE	27.6	27.55	5120090



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	BID	40.6	40.9	7.967.430
2	GEG	15.25	15.58	2.300.720
3	HDG	28.3	28.71	2746290
4	PLX	39.5	40.48	3.700.840
5	PPC	10.25	10.25	636.200
6	VCI	28	28.17	10.801.700

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	MST	08.02	8.45	3.486.820
2	MZG	13	13.06	652.990
3	REE	65.5	66.55	1780150
4	TCO	12.2	12.33	659.180
5	TTA	11.6	11.73	995.540
7	VPL	80	81.14	902070

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	DRI	12.9	12.93	524.350
2	GEG	15.25	15.42	2.300.720
3	GMD	73.6	74.51	2258190
4	PPC	10.25	10.28	636.200
5	PVC	16.5	16.53	2.134.360
6	TNG	23	23.32	2.798.980
7	VPI	56.9	57.34	1.186.380
8	VPL	80	82.59	902.070
9	VTP	73.5	74.25	643840



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	09/04/2026	14	13.7	14.25	04.01	40,460
2	VTZ	09/04/2026	20.1	19.7	20.6	4.57	1,214,580
3	PPT	09/04/2026	15.7	15.1	15.8	4.64	324,120
4	SBG	09/04/2026	11.5	11.3	11.9	5.31	101,920
5	ODE	09/04/2026	45.1	43.8	46.3	5.71	18,160
6	MCM	09/04/2026	25.6	25	26.45	5.8	11,480
7	BAF	09/04/2026	35.25	33.5	35.5	5.97	1,738,320
8	VSH	09/04/2026	43.3	42	44.6	6.19	10,480
9	SSB	09/04/2026	17.15	16.3	17.35	6.44	1,817,760
10	PRE	09/04/2026	22.7	21.3	22.9	7.51	8,780
11	HPD	09/04/2026	16.5	15.8	17	7.59	5,460
12	GDT	09/04/2026	19.15	18.75	20.2	7.73	10,940
13	ADP	09/04/2026	23.1	22.4	24.2	8.4	5,160
14	PGB	09/04/2026	12.2	11.5	12.5	8.7	7,500
15	CLH	09/04/2026	22.1	20.9	22.8	09.09	6,380
16	GIC	09/04/2026	10.3	9.8	10.7	9.18	5,360
17	SVT	09/04/2026	11.15	10.8	11.8	9.26	12,240
18	OCB	09/04/2026	11.04	10.6	11.6	9.43	1,298,320
19	TNH	09/04/2026	10.1	9.98	10.95	9.72	81,080
20	VAB	09/04/2026	10.3	9.5	10.45	10	363,060



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009